

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng Bằng khen của Bộ trưởng đối với thành tích thường xuyên năm 2018

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho 27 tập thể và 105 cá nhân thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường vì đã có thành tích xuất sắc năm 2018 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Vụ TĐKTTT.LT70.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG BẰNG KHEN
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2018**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 7 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. Tập thể:

1. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Văn phòng Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng.
5. Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai.
6. Trung tâm Điều tra và Quy hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.
7. Vụ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
8. Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
9. Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
10. Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
11. Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
12. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
13. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thái Bình, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
14. Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
15. Trung tâm Điều tra - Xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
16. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.
17. Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin phía Nam, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường
18. Cục Viễn thám quốc gia.
19. Ban Kinh tế tài nguyên môi trường, Viện Chiến lược chính sách, tài nguyên và môi trường.
20. Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
21. Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
22. Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
23. Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

24. Phòng Điều tra tài nguyên nước, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
25. Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
26. Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
27. Trung tâm Phát triển Ứng dụng GIS, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.

II. Cá nhân:

1. Ông Vũ Minh Sơn, Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Uyên, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường
3. Ông Phan Quang, Phó trưởng phòng theo dõi thi hành pháp luật, Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Bà Nguyễn Thị Thủy, Phó trưởng phòng Đào tạo, bồi dưỡng, Tổng hợp và cải cách hành chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
5. Ông Lưu Thành Trung, Chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6. Ông Nguyễn Danh Hùng, Chuyên viên chính Phòng Kế hoạch và Thống kê Tổng hợp, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
7. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Chuyên viên chính Phòng Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
8. Bà Nguyễn Thị Huệ, Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
9. Ông Đào Bùi Din, Phó trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
10. Ông Dương Trung Thành, Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Bộ Tài nguyên và Môi trường.
11. Bà Lê Thị Thanh, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.
12. Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp, Chuyên viên Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Quản lý đất đai.
13. Ông Nguyễn Xuân Hân, Chuyên viên chính Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Quản lý đất đai.
14. Ông Phạm Ngô Hiếu, Phó Cục trưởng Cục Đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.

15. Bà Nguyễn Thị Ý Nhi, Chuyên viên Cục Quy hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.
16. Bà Nguyễn Thị Lơ, Phó Cục trưởng Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai.
17. Ông Nguyễn Văn Trị, Phó Cục trưởng Cục Kiểm soát quản lý và sử dụng đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.
18. Bà Hoàng Thị Nụ, Phụ trách phòng Kiểm định đề án, dự án đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.
19. Ông Nguyễn Thượng Hiền, Vụ trưởng Vụ Quản lý chất thải, Tổng cục Môi trường.
20. Ông Phạm Minh Hiếu, Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kỹ thuật môi trường, Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường, Tổng cục Môi trường.
21. Bà Nguyễn Thị Hồng Phương, Kế toán trưởng Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường.
22. Bà Phạm Thị Kiều Oanh, Chuyên viên Vụ Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Môi trường.
23. Ông Nguyễn Hữu Thắng, Trưởng phòng Quan trắc và Cảnh báo môi trường, Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, Tổng cục Môi trường.
24. Bà Phạm Phương Nga, Phụ trách kế toán Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường, Tổng cục Môi trường.
25. Ông Lương Hoàng Tùng, Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Môi trường.
26. Bà Lê Thị Thanh Hương, Chuyên viên Vụ Khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
27. Ông Lê Duy Phương, Chuyên viên chính Vụ Khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
28. Ông Đinh Thanh Bình, Chuyên viên chính Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
29. Ông Nguyễn Đình Quang, Chuyên viên Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
30. Ông Trần Văn Thành, Chủ nhiệm đề án Mường Nhé, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
31. Bà Nguyễn Thị Hiếu Hạnh, Kế toán trưởng Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
32. Ông Hoàng Đình Luật, Đoàn trưởng Đoàn Địa chất 501, Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
33. Ông Lê Văn Tường, Đoàn trưởng Đoàn Địa chất 501, Liên đoàn Địa chất Xạ-Hiếm, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
34. Ông Nguyễn Tiến Thành, Liên Đoàn trưởng Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản Biển, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

35. Ông Vũ Sĩ Tuấn, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
36. Ông Trần Quang Đầu, Phó Chánh Văn phòng, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
37. Ông Phan Thanh Tuyên, Phó Cục trưởng Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
38. Ông Nguyễn Lê Tuấn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
39. Ông Võ Xuân Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin dữ liệu biển và hải đảo quốc gia, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
40. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, Phó Chánh văn phòng Cục kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
41. Bà Vương Thanh Nhã, Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
42. Ông Trịnh Xuân Bình, Phó Đoàn trưởng Đoàn Đo đạc biển miền Nam, Trung tâm Trắc địa và Bản đồ biển, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
43. Ông Nguyễn Huy Hoàng, Phó Vụ trưởng Phụ trách điều hành Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
44. Ông Dương Văn Quyết, Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
45. Ông Bùi Đức Sơn, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
46. Ông Trịnh Hải Dương, Dự báo viên Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Ninh, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
47. Ông Dương Văn Hưng, Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nam Định, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
48. Bà Vũ Thị Hòa, Dự báo viên Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nam Định, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
49. Ông Phạm Quốc Hưng, Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Thái Bình, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
50. Ông Nguyễn Xuân Tiến, Phó Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
51. Ông Phạm Hồ Quốc Tuấn, Trưởng phòng Thông tin và Dữ liệu Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
52. Ông Phạm Vĩnh Phong, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Biển đổi khí hậu.
53. Ông Lê Văn Hùng, Nhân viên Trung tâm Thông tin Lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.

54. Ông Trần Huy Cường, Nhân viên Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.
55. Bà Ngô Thu Hằng, Chuyên viên Văn phòng Cục Quản lý Tài nguyên nước.
56. Ông Trương Tùng Hoa, Chuyên viên Trung tâm Thông tin Kinh tế Tài nguyên nước, Cục Quản lý Tài nguyên nước.
57. Ông Mai Thúc Hoàn, Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
58. Bà Trần Minh Hằng, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
59. Bà Nguyễn Thị Thanh Ngà, Phó Trưởng phòng Kiểm định sản phẩm thông tin địa lý, Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
60. Ông Trần Doãn Mạnh, Giám đốc Trung tâm Điều tra - Xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
61. Ông Nguyễn Việt Quân, Đo đạc bản đồ viên hạng III, Phòng Kỹ thuật - Công nghệ, Trung tâm Điều tra - Xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
62. Bà Phạm Thị Thúy Hằng, Nhân viên Trung tâm Triển khai công nghệ Viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia.
63. Ông Nghiêm Văn Tuấn, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Cục Viễn thám quốc gia.
64. Ông Đặng Trường Giang, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Đài Viễn thám Trung ương, Cục Viễn thám quốc gia.
65. Ông Lại Văn Mạnh, Phó Trưởng ban Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường.
66. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo, Hợp tác Quốc tế và Tạp chí, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
67. Bà Lưu Thị Thúy Ngọc, Phó Chánh Văn phòng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
68. Ông Mai Văn Khiêm, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
69. Ông Đặng Công Thanh, Nhân viên Văn phòng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
70. Ông Phạm Thanh Long, Phân viện trưởng Phân viện Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
71. Ông Đỗ Đình Chiến, Giám đốc Trung tâm Tư vấn, Dịch vụ Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
72. Ông Nguyễn Thanh Tùng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Địa chất và Khoáng sản, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.

73. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, Nghiên cứu viên Trung tâm Công nghệ Địa chất và Khoáng sản, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
74. Bà Nguyễn Thị Xuân, Nghiên cứu viên chính Phòng Thạch Luận và Địa chất đồng vị, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
75. Ông Phạm Đức Trọng, Nghiên cứu viên Phòng Địa chất kinh tế và Địa tin học, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
76. Bà Nguyễn Thị Minh Sáng, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
77. Bà Trần Lệ Thu, Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
78. Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Phó Trưởng khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
79. Bà Nguyễn Thị Khuy, Trưởng Bộ môn Quản lý nhà đất, Khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
80. Bà Lê Thanh Huyền, Trưởng Bộ môn Độc học và Quan trắc môi trường, Khoa môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
81. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
82. Bà Lê Thị Phụng, Phụ trách phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
83. Ông Phạm Hải Bằng, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.
84. Ông Nguyễn Mạnh Cường, Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
85. Ông Vũ Quang Thành, Chuyên viên chính Ban Điều tra tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
86. Bà Vũ Thị Thanh Thủy, Chuyên viên Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
87. Ông Cao Minh Hoàng, Đoàn trưởng Đoàn tài nguyên nước Bắc Tây Nguyên, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
88. Ông Cao Xuân Việt, Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng 3 Phòng Quy hoạch tài nguyên nước, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
89. Ông Trần Minh Đức, Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng 3 Phòng hệ thống thông tin, Trung tâm Dữ liệu tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

90. Ông Phạm Quang Minh, Phụ trách Trung tâm sản xuất nước, Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
91. Ông Nguyễn Văn Phấn, Phó trưởng phòng Quan hệ công chúng và Báo chí, Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường.
92. Ông Phạm Tường, Chuyên viên Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.
93. Ông Nguyễn Đức Phú, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.
94. Bà Trần Thị Cẩm Thúy, Phó Tổng biên tập Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
95. Ông Trần Từ Công, Giám đốc Trung tâm Phát hành, Nhà Xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
96. Ông Nguyễn Văn Phương, Phó Giám đốc Trung tâm Biên tập và Công nghệ cao, Nhà Xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
97. Ông Nguyễn Văn Hữu, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Dịch vụ và Phát triển Bản đồ, Nhà Xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
98. Ông Lê Ngọc Nhung, Giám đốc Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 201, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
99. Ông Phạm Hồng Trung, Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
100. Bà Lê Thị Hằng, Tổ trưởng sản xuất Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 301, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
101. Ông Nguyễn Quang Linh, Tổ trưởng sản xuất Xí nghiệp Đo vẽ ảnh số và Địa tin học, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
102. Ông Hồ Đình Tùng, Kỹ thuật viên Đoàn công tác 309, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
103. Ông Võ Việt Dũng, Tổ trưởng sản xuất Trung tâm Quy hoạch và điều tra tài nguyên đất, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
104. Bà Đoàn Thị Hằng, Chuyên viên Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
105. Ông Cao Nguyễn Trung Cường, Chuyên viên phòng Quản lý kỹ thuật công nghệ và chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam./.